

I. TRẮC NGHIỆM (4 ĐIỂM): Chọn đáp án đúng trong các câu sau.

Câu 1. Thế nào là khoa học tự nhiên?

- A. Khoa học tự nhiên nghiên cứu các sự vật, hiện tượng của thế giới tự nhiên và ảnh hưởng của thế giới tự nhiên đến cuộc sống của con người.
- B. Khoa học tự nhiên nghiên cứu các sự vật, hiện tượng của thế giới tự nhiên.
- C. Khoa học tự nhiên nghiên cứu về ảnh hưởng của thế giới tự nhiên đến cuộc sống của con người.
- D. Khoa học tự nhiên nghiên cứu về tâm lý của học sinh.

Câu 2. Việc cần làm trong phòng thực hành là

- A. Ăn uống trong phòng thực hành
- B. Làm theo hướng dẫn của thầy cô giáo
- C. Ngủ, nếm hóa chất
- D. Chạy nhảy làm mất trật tự.

Câu 3. Người ta dùng dụng cụ nào để đo khối lượng?

- A. Nhiệt kế
- B. Đồng hồ bấm giây
- C. Cân điện tử
- D. Bình chia độ

Câu 4. Nếu muốn quan sát các loại gân lá, em nên sử dụng loại kính nào?

- A. Kính hiển vi
- B. Kính râm
- C. Kính lúp
- D. Kính cận

Câu 5. Khi không may bị hoá chất ăn da bám lên tay thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

- A. Đưa ra trung tâm y tế cấp cứu,
- B. Hô hấp nhân tạo.
- C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép vào.
- D. Cởi bỏ phần quần áo dính hoá chất, xả tay dưới vòi nước sạch ngay lập tức.

Câu 6. Vật nào sau đây là vật không sống?

- A. Con mèo
- B. Cây đa cổng làng
- C. Cái bàn
- D. Con ong

Câu 7. Con gà đẻ trứng là thể hiện dấu hiệu nào của vật sống?

- A. Thải bỏ chất thải
- B. Sinh sản.
- C. Vận động
- D. Lớn lên

Câu 8. Để đo độ dài của một vật ta nên dùng:

- A. Sợi dây
- B. Gang bàn tay
- C. Thước đo
- D. Bàn chân

Câu 9. Nhiệt kế thường dùng hoạt động dựa trên hiện tượng nào?

- A. Sự giãn nở vì nhiệt của chất lỏng
- B. Sự giãn nở vì nhiệt của chất rắn
- C. Sự giãn nở vì nhiệt của chất khí
- D. Sự giãn nở vì nhiệt của các chất.

Câu 10. Cho các bước như sau:

1. Thực hiện phép đo nhiệt độ.
2. Ước lượng nhiệt độ của vật.
3. Hiệu chỉnh nhiệt kế.
4. Lựa chọn nhiệt kế phù hợp.
5. Đọc và ghi kết quả đo.

Các bước đúng khi thực hiện đo nhiệt độ của một vật là:

- A. 1, 2, 3, 4, 5
B. 1, 4, 2, 3, 5
C. 2, 4, 3, 1, 5
D. 3, 2, 4, 1, 5

Câu 11. Sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn được gọi là:

- A. Sự ngưng tụ
B. Sự bay hơi
C. Sự đông đặc
D. Sự nóng chảy

Câu 12. Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về đặc điểm của chất rắn?

- A. Có khối lượng, hình dạng xác định, không có thể tích xác định
B. Có khối lượng xác định, hình dạng và thể tích không xác định
C. Có khối lượng, hình dạng và thể tích xác định
D. Có hình dạng xác định, khối lượng và thể tích không xác định

Câu 13. Trong không khí oxygen chiếm khoảng bao nhiêu phần về thể tích?

- A. 1/5
B. 1/4
C. 1/10
D. 1/20

Xem thêm tại Website VnTeach.Com <https://www.vnteach.com>

Câu 14: Nguyên nhân nào sau đây gây ô nhiễm không khí?

- A. Bảo vệ và trồng cây xanh
B. Sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường
C. Quản lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp
D. Đốt rơm rạ ngoài đồng sau vụ gặt.

Câu 15: Con dao làm bằng thép sẽ không bị gỉ nếu:

- A. A. Cắt chanh rồi không rửa
B. Dùng xong, cất đi ngay
C. Ngâm trong nước lâu ngày
D. Sau khi dùng rửa sạch, lau khô

Câu 16. Vật liệu có tính chất trong suốt là

- A. Kim loại đồng.
B. Thủy tinh
C. Gỗ
D. Thép

PHẦN II: TỰ LUẬN (6,0 điểm).

Bài 1 (1,5 điểm):

- a. Nêu các bước khi đo chiều dài bằng thước?
b. Điền dụng cụ đo tương ứng với từng phép đo trong bảng dưới đây:

ST T	Phép đo	Tên dụng cụ đo
1	Đo khối lượng cơ thể	
2	Đo chiều dài của quyển sách	
3	Thời gian bạn An chạy quãng đường 100m	

Bài 2 (1.5 điểm). Em hãy lấy 3 ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế.

Bài 3 (1.5 điểm).

- a. Nêu tính chất vật lí của oxygen?
b. Vì sao sự cháy trong không khí lại kém mãnh liệt hơn sự cháy trong khí oxygen?

Bài 4: (1,5 điểm)

- a. Em hãy nêu các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên?
b. Trình bày tính chất và ứng dụng của nhựa trong cuộc sống và sản xuất

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)

- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	B	C	C	D	C	B	C	A	C	C	C	A	D	D	B

Phần II. Tự luận (6,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm											
1 (1,5đ)	a. 3 bước: - B1: Ước lượng độ dài cần đo để chọn thước đo phù hợp. - B2: Đặt thước và mắt nhìn đúng cách. - B3: Đọc và ghi kết quả đúng.	0,25 0,25 0,25											
	b.												
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th><th>Phép đo</th><th>Tên dụng cụ đo</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Đo khối lượng cơ thể</td><td><i>Cân khối lượng</i></td></tr> <tr> <td>2</td><td>Đo chiều dài của quyển sách</td><td><i>Thước kẻ</i></td></tr> <tr> <td>3</td><td>Thời gian bạn An chạy quãng đường 100m</td><td><i>Đồng hồ bấm giây</i></td></tr> </tbody> </table>	STT	Phép đo	Tên dụng cụ đo	1	Đo khối lượng cơ thể	<i>Cân khối lượng</i>	2	Đo chiều dài của quyển sách	<i>Thước kẻ</i>	3	Thời gian bạn An chạy quãng đường 100m	<i>Đồng hồ bấm giây</i>
STT	Phép đo	Tên dụng cụ đo											
1	Đo khối lượng cơ thể	<i>Cân khối lượng</i>											
2	Đo chiều dài của quyển sách	<i>Thước kẻ</i>											
3	Thời gian bạn An chạy quãng đường 100m	<i>Đồng hồ bấm giây</i>											
2 (1,5đ)	Ví dụ: - Ngồi trong xe ô tô đang chạy, ta thấy hai hàng cây bên đường chuyển động. - Quan sát ngọn núi từ xa, ta thấy ngọn núi nhỏ. - Mặt trăng đi theo chúng ta khi di chuyển. (HS có thể lấy ví dụ khác, đúng vẫn được điểm tối đa)	0,5 0,5 0,5											
3 (1,5đ)	a, Oxygen là chất khí không màu, không mùi, không vị và ít tan trong nước.	0,75											
	b, Vì: Trong không khí thể tích khí oxygen chỉ chiếm 1/5 thể tích của không khí.	0,75											
4 (1,5đ)	a. Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên: vật lí, hoá học, sinh học, thiên văn học và khoa học trái đất.	0,5											
	b. Tính chất và ứng dụng của nhựa trong cuộc sống và sản xuất: * Tính chất của nhựa: Dễ tạo hình, nhẹ, dẫn nhiệt kém, không dẫn điện, bền với môi trường.	0,5											
	* Ứng dụng: Dùng để chế tạo nhiều vật dụng trong cuộc sống hàng ngày và trong sản xuất như bàn nhựa, ghế nhựa, chai nhựa,	0,5											